

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập chi tiêu

- 1 Các thành phần trong tổng chi tiêu*
- 2 Sự khác nhau giữa đầu tư theo kế hoạch và đầu tư thực hiện*
- 3 Cân bằng vĩ mô ngắn hạn dựa trên mô hình tổng chi tiêu*
- 4 Các yếu tố tác động đến đường tổng chi tiêu*

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết tổng chi tiêu

- 1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu*
- 2 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn*
- 3 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ*
- 4 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở*

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa

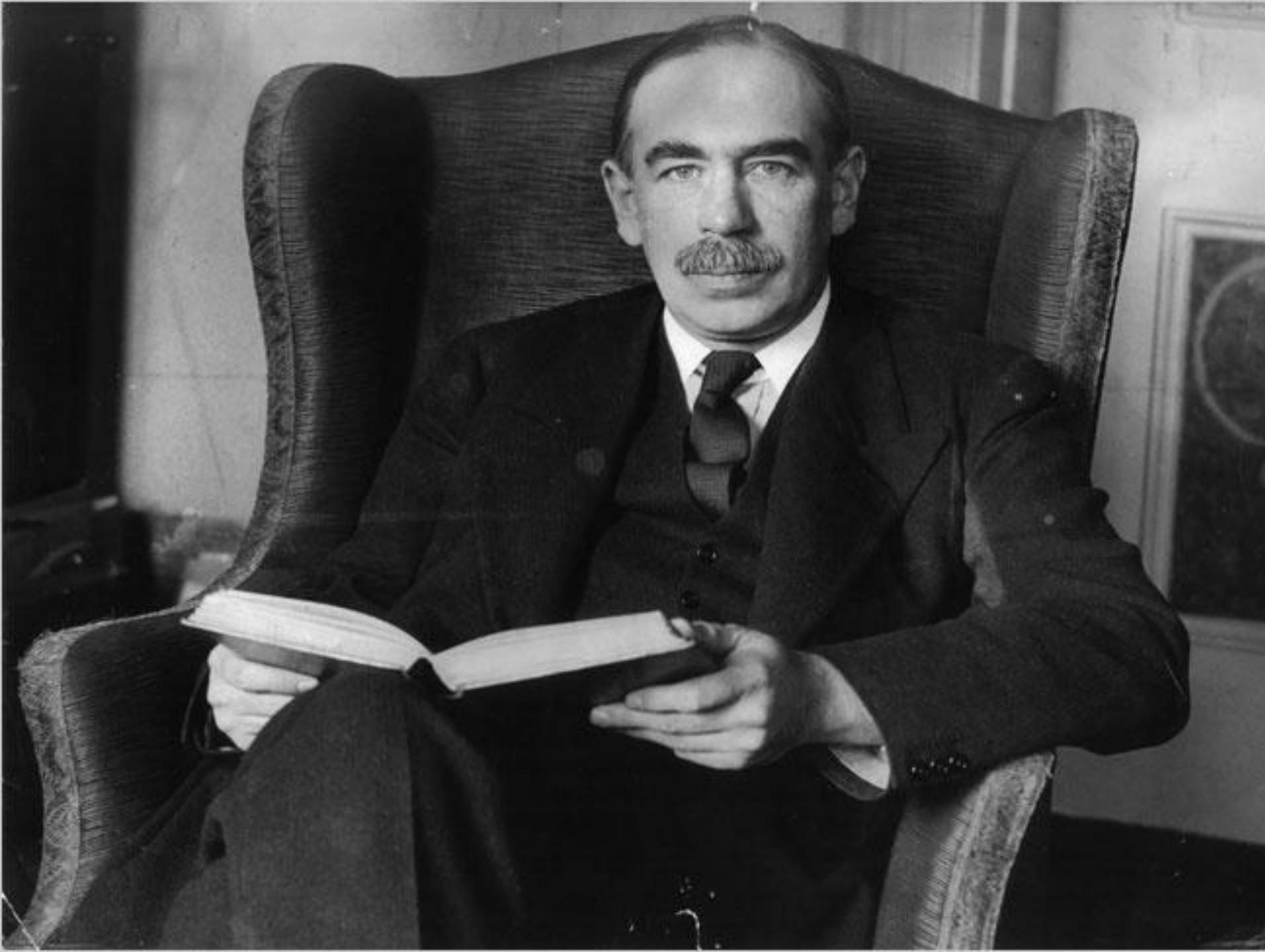


III Mô hình tổng chi tiêu và đường tổng cầu

- 1 Xây dựng đường tổng cầu từ mô hình tổng chi tiêu*
- 2 Hạn chế của mô hình tổng chi tiêu khi xác định tổng cầu*

IV Chính sách tài khóa

- 1 Chính sách tài khóa chủ động*
- 2 Cơ chế tự ổn định*
- 3 Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ*



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

Ý tưởng chính

Trong bất cứ một năm cụ thể nào, thì mức GDP thực tế sẽ được xác định phần lớn bởi mức chi tiêu của cả nền kinh tế

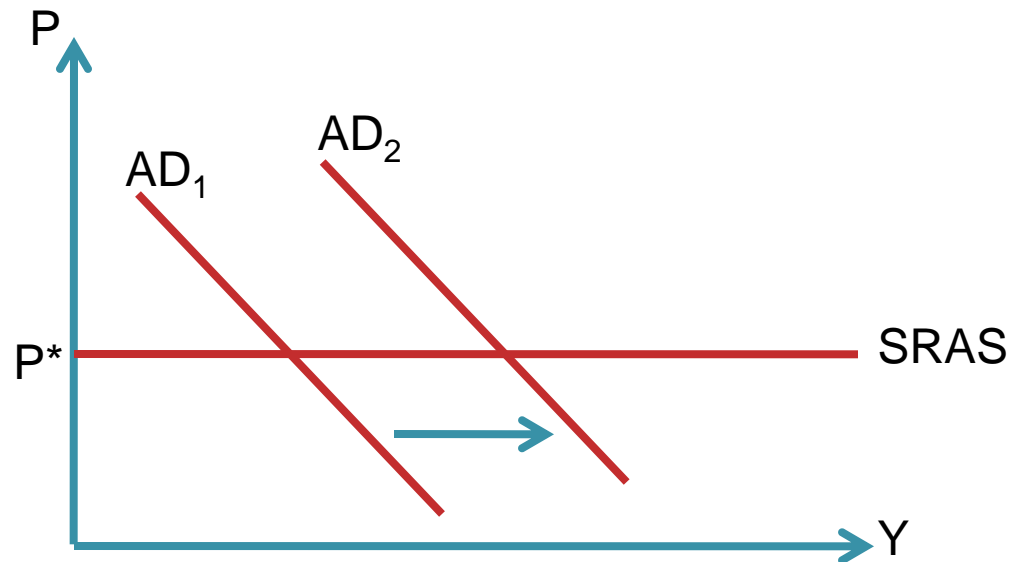
Giả định quan trọng

- P, w không thay đổi
- Nền kinh tế còn nhiều nguồn lực chưa sử dụng
→ AS nằm ngang, AD quyết định mức sản lượng của nền kinh tế
- Không xét ảnh hưởng của thị trường tiền tệ tới thị trường hàng hóa

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



Nền kinh tế khi còn nhiều nguồn lực chưa được sử dụng



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

1 Các thành phần trong tổng chi tiêu dự kiến

- Chi tiêu của hộ gia đình (C)
- *Đầu tư theo kế hoạch* (I)
- Chi tiêu của chính phủ (G)
- Xuất khẩu ròng (NX)

$$\mathbf{APE = C + I + G + NX}$$

APE (PAE, AE) – aggregate planned expenditure

Tổng chi tiêu dự kiến phản ánh mức chi tiêu dự kiến tại mỗi mức thu nhập với giả định mức giá cho trước

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

2 Sự khác nhau giữa đầu tư theo kế hoạch và đầu tư thực hiện

- Thành phần của đầu tư theo kế hoạch bao gồm:
 - + Đầu tư của các hãng (tư bản hiện vật, hàng tồn kho)
 - + Đầu tư của hộ gia đình (nhà cửa mới)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

2 Sự khác nhau giữa đầu tư theo kế hoạch và đầu tư thực hiện

- Trong I thì đầu tư hàng tồn kho là yếu tố làm cho đầu tư theo kế hoạch và đầu tư thực hiện chênh nhau. Chênh lệch giữa đầu tư hàng tồn kho thực hiện với đầu tư hàng tồn kho theo kế hoạch gọi là đầu tư hàng tồn kho ngoài kế hoạch (UI – unexpected inventory)
- + $UI > 0$ khi tổng chi tiêu nhỏ hơn tổng thu nhập
- + $UI < 0$ khi tổng chi tiêu lớn hơn tổng thu nhập

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

3 Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn dựa trên mô hình tổng chi tiêu

a Đồng nhất thức thu nhập sản lượng

$$GDP \equiv \text{Thu nhập quốc dân} \equiv Y$$

Tổng giá trị sản lượng của nền kinh tế sẽ bằng tổng thu nhập của nền kinh tế, bằng tổng chi tiêu của nền kinh tế.

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

3 Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn dựa trên mô hình tổng chi tiêu

b Điều chỉnh tại điểm cân bằng vĩ mô

- + Đường 45^0 : tập hợp những điểm biểu diễn tổng thu nhập bằng tổng chi tiêu
- + Đường APE: là đường biểu diễn tổng chi tiêu theo kế hoạch tại những mức thu nhập xác định

Đặc điểm của đường APE

- Là một đường dốc lên
- Độ dốc nhỏ hơn 1
- Có hệ số chặn (chi tiêu tự định – autonomous expenditure)

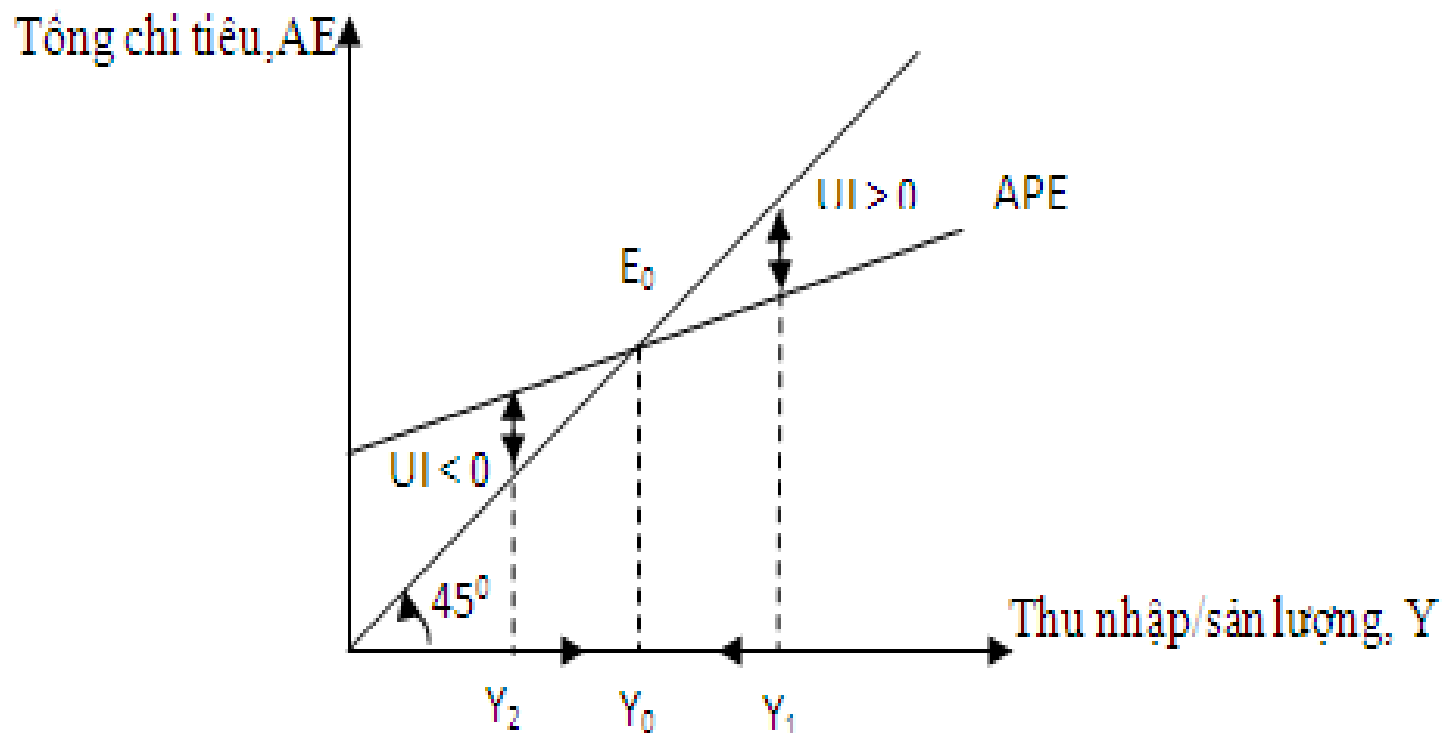
Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

3 Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn dựa trên mô hình tổng chi tiêu

b Điều chỉnh tại điểm cân bằng vĩ mô



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

4 Các yếu tố tác động đến tổng chi tiêu

- Tiêu dùng (C)
 - + Thu nhập khả dụng hiện tại
 - + Cửa cải của hộ gia đình
 - + Thu nhập dự tính trong tương lai
 - + Mức giá cả chung
 - + Lãi suất
 - + Tập quán sinh hoạt

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

4 Các yếu tố tác động đến tổng chi tiêu

- Đầu tư theo kế hoạch (I)
- + Triển vọng lợi nhuận
- + Lãi suất thực tế (chi phí đầu tư)
- + Thuế
- + Mức giá cả chung
- + Dòng tiền

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

4 Các yếu tố tác động đến tổng chi tiêu

- Chi tiêu chính phủ (G)
- + Chu kỳ kinh doanh
- + Tình hình an ninh xã hội
- + Mục đích chính trị
-

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

4 Các yếu tố tác động đến tổng chi tiêu

- Xuất khẩu ròng (NX)
- + Mức giá tại Việt Nam so với mức giá tại các quốc gia khác
- + Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam so với các quốc gia khác
- + Tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam so với các đồng tiền khác

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

4 Các yếu tố tác động đến tổng chi tiêu

Nhận xét:

- Di chuyển dọc đường APE: khi tổng thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi
- Dịch chuyển dọc đường APE: khi các yếu tố khác thay đổi, tổng thu nhập không đổi

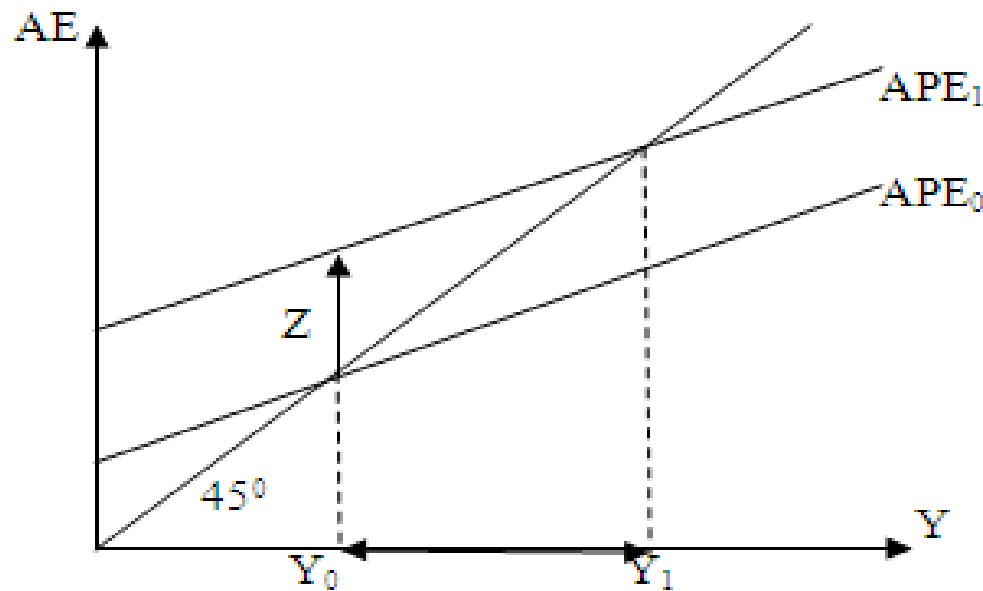
Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

5 Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu và số nhân chi tiêu

- Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

5 Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu và số nhân chi tiêu

- Số nhân chi tiêu (multiplier effect) - (m) cho biết sự thay đổi của sản lượng cân bằng gây ra bởi thay đổi một đơn vị trong tổng chi tiêu (ảnh hưởng khuếch đại của chi tiêu tới sản lượng)

$$m = \frac{\Delta Y}{Z} = \frac{Y_1 - Y_0}{Z} > 1$$

| | |
|--|---|
| R1) Giả sử cp tăng chi tiêu $\Delta G = 1000$ (xây dựng cầu) | Thu nhập của nền kinh tế tăng $\Delta Y = 1000$ (công nhân xây cầu) |
| R2) $\Delta C = 900$ (công nhân xây cầu chi mua lương thực) | $\Delta Y = 900$ (thu nhập của người bán lương thực tăng lên) |
| R3) $\Delta C = 810$ (người bán lương thực trả học phí cho con) | $\Delta Y = 810$ (thu nhập của giảng viên đại học Ngoại Thương tăng lên) |
| | |

Thu nhập của nền kinh tế tăng lên

$$\sum \Delta Y = 1000 + 1000 \cdot 0.9 + 1000 \cdot 0.9^2 + \dots + 1000 \cdot 0.9^n = 1000 \cdot (1 + 0.9 + 0.9^2 + \dots + 0.9^n) = 1000 \cdot \frac{1}{1-0.9} = 10000$$

(giả định, người dân chi tiêu 90% thu nhập của mình)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

5 Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu và số nhân chi tiêu

- Công thức tổng quát tính sản lượng cân bằng

$$+ APE = Y$$

$$+ APE = a + \alpha Y \quad (0 < \alpha < 1)$$

Suy ra $Y = a + \alpha Y$ hay $Y = 1/(1 - \alpha) * a$

trong đó $1/(1 - \alpha)$ là số nhân chi tiêu

α chính là 90% trong ví dụ ở trên

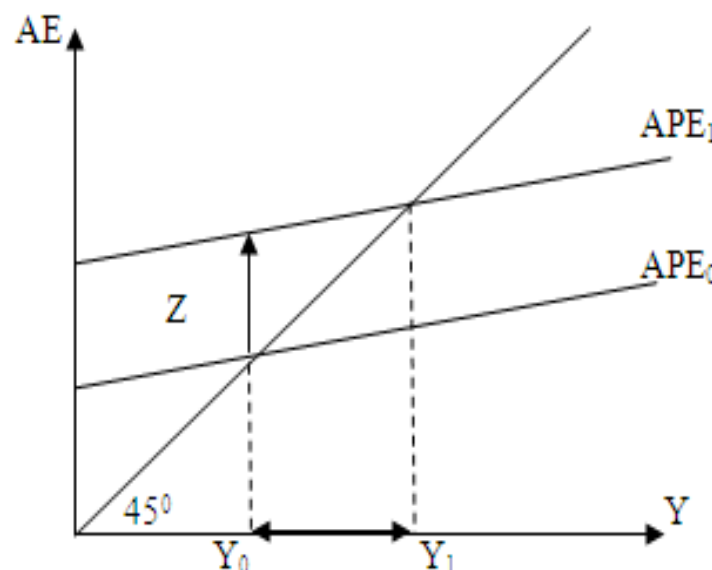
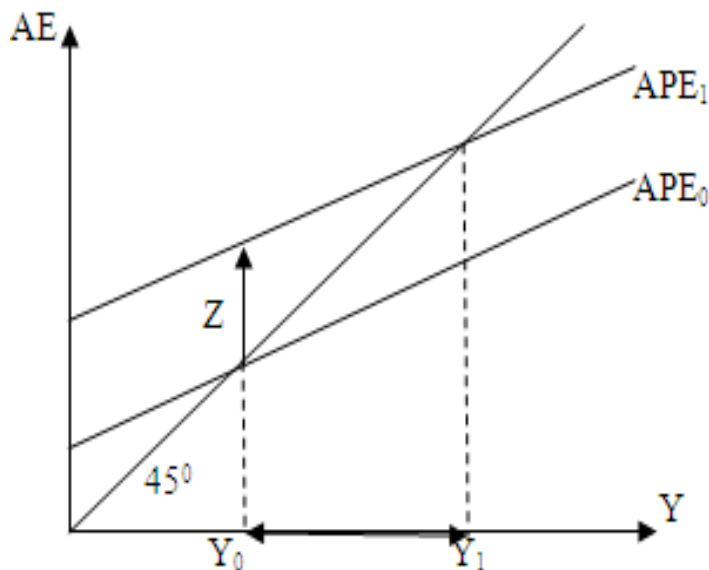
Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

5 Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu và số nhân chi tiêu

- Đường APE càng dốc thì số nhân càng lớn hay tăng chi tiêu thêm 1 đồng thì thu nhập tăng lên nhiều hơn trong trường hợp đường APE dốc



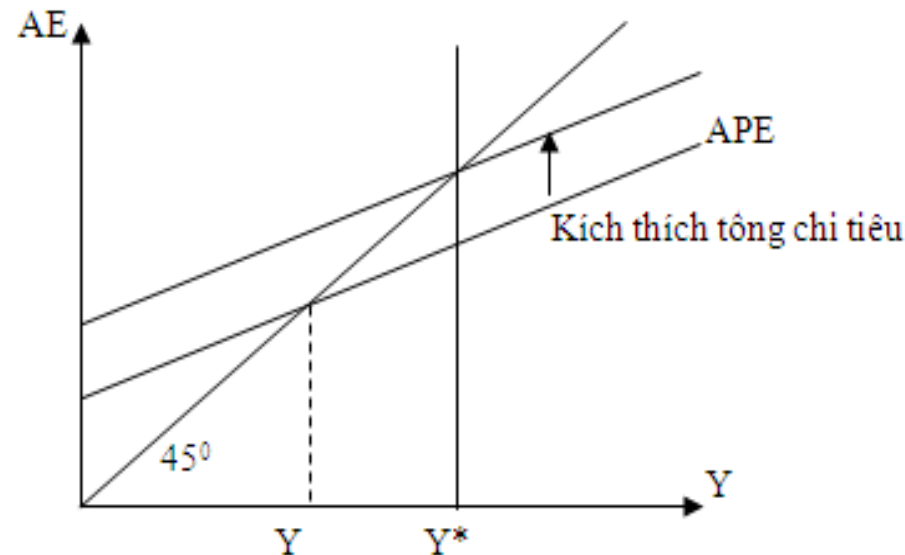
Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



I Phương pháp tiếp cận thu nhập – chi tiêu

5 Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu và số nhân chi tiêu

- Suy thoái trong mô hình tổng chi tiêu (mô hình giao điểm của Keynes)



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



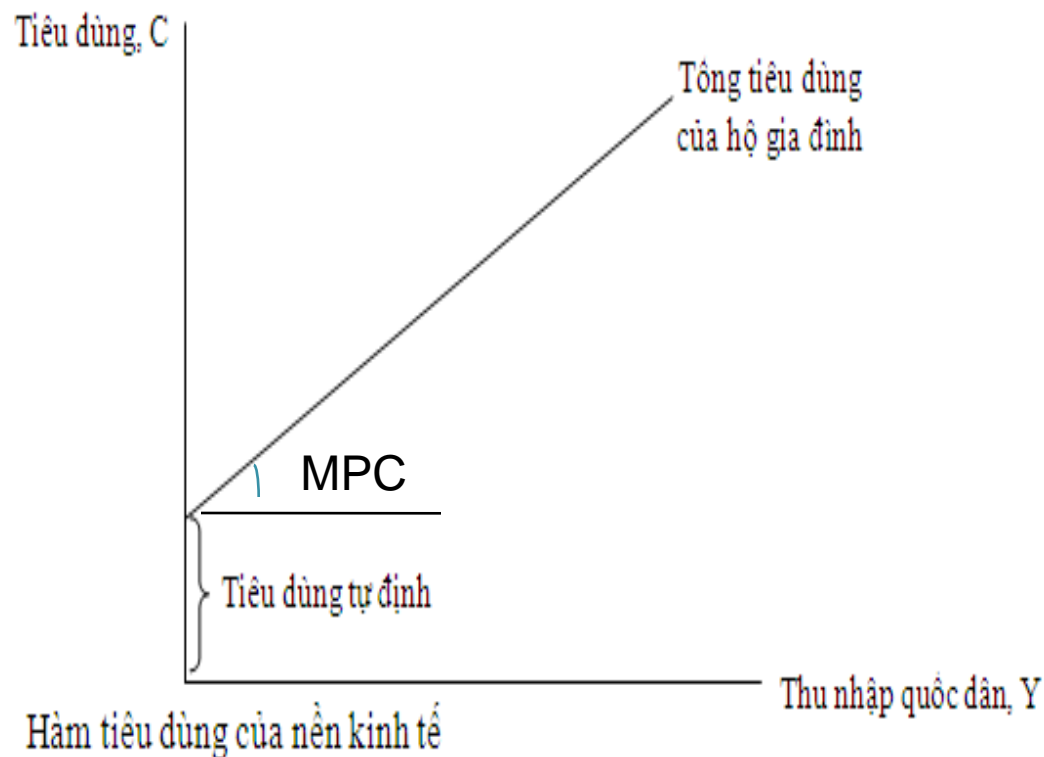
II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu

a Tiêu dùng

$$C = \bar{C} + MPC * Y_d$$

(hàm tiêu dùng của Kyenes)



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu

a Tiêu dùng

Xu hướng tiêu dùng cận biên (MPC – marginal propensity to consume)

Xu hướng tiết kiệm cận biên (MPS – marginal propensity to save)

$$MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d} \qquad MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Y_d}$$

MPC, MPS chịu ảnh hưởng của tâm lý, xã hội, và tập quán sinh hoạt khác

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu

a Tiêu dùng

$$Y = C + S + T \text{ hay } \Delta Y = \Delta C + \Delta S + \Delta T$$

Để đơn giản ta coi thuế là một khoản không đổi nên $\Delta T = 0$

$$\frac{\Delta Y}{\Delta Y} = \frac{\Delta C}{\Delta Y} + \frac{\Delta S}{\Delta Y} \text{ hay } MPC + MPS = 1$$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu

a Tiêu dùng

Tiêu dùng tự định \bar{c} (autonomous consumption) biểu diễn lượng tiêu dùng khi thu nhập của hộ gia đình bằng bằng 0 (tiêu dùng tối thiểu), hay đây là lượng tiêu dùng của hộ gia đình không phụ thuộc vào thu nhập (có thể hiểu \bar{c} phản ánh tác động của các biến khác như lãi suất, của cải... lên tiêu dùng C)

Thu nhập khả dụng Y_d là thu nhập của hộ gia đình sau khi đã trừ thuế (cộng thêm trợ cấp nếu có)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu a Tiêu dùng

Chú ý: phân biệt MPC với APC (xu hướng tiêu dùng trung bình – average propensity to consume) và MPS với APS (xu hướng tiết kiệm trung bình – average propensity to save)

$$APC = \frac{C}{Y_d} \quad APS = \frac{S}{Y_d} \quad \boxed{APC + APS = 1}$$

Theo hàm tiêu dùng của Keynes $APC = C/Y_d = \bar{C}/Y_d + MPC$ sẽ giảm trong dài hạn, ngược lại APS sẽ tăng \rightarrow không đủ cầu (chi tiêu) để hấp thụ hàng hóa được sản xuất ngày càng nhiều \rightarrow secular stagnation

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



Tuy nhiên kết quả nghiên cứu của *Simon Kuznets* những năm 1940 cho thấy APC của hộ gia đình Mỹ ổn định trong dài hạn → Xuất hiện các hàm tiêu dùng khác với những giả định thực tế hơn

(Hàm tiêu dùng của Keynes dựa trên một giả định đơn giản chỉ tiêu phụ thuộc vào thu nhập khả dụng hiện tại → quá đơn giản khi muốn nghiên cứu sâu hành vi của hộ gia đình)

(Xem thêm phụ lục các hàm tiêu dùng khác)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu

a Tiêu dùng

+ Hàm tiêu dùng trong nền kinh tế giản đơn ($Y_d = Y$)

$$C = \bar{C} + MPC * Y$$

+ Hàm tiêu dùng trong nền kinh tế có chính phủ ($Y_d = Y - T$)

Thuế phụ thuộc vào thu nhập $T = t * Y$

$$C = \bar{C} + MPC * (1 - t) * Y$$

Thuế không phụ thuộc vào thu nhập $T = \bar{T}$

$$C = \bar{C} + MPC * (Y - \bar{T})$$

(chú ý T ở đây là thuế ròng bằng tổng thuế trừ đi trợ cấp hay nếu có Tr thì $Y_d = Y - T + Tr$)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu *b Đầu tư*

Coi mức đầu tư được định trước (không phụ thuộc vào thu nhập hiện tại) → phản ánh quan điểm cho rằng đầu tư trước hết được quyết định bởi dự tính của doanh nghiệp về triển vọng kinh tế trong tương lai

Vì thế hàm đầu tư có thể viết $I = \bar{I}$

(cũng giống như tiêu dùng, đầu tư theo quan điểm của một số nhà kinh tế khác Keynes cho rằng phụ thuộc vào Y theo mô hình gia tốc đầu tư $I = \bar{I} + kY$ trong đó k - MPI gọi là hệ số gia tốc đầu tư)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu

c Chi tiêu của chính phủ

Vì chi tiêu của chính phủ là một biến chính sách nên nó phụ thuộc nhiều vào quan điểm của chính phủ về các vấn đề an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, công bằng trong thu nhập và các vấn đề xã hội khác, G là biến tự định, chúng ta có thể viết:

$$G = \overline{G}$$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu *d Xuất khẩu ròng*

- Người nước ngoài mua gì và mua bao nhiêu hàng của Việt Nam phụ thuộc trước hết vào thu nhập của họ chứ không phụ thuộc trực tiếp vào thu nhập của Việt Nam, vì thế trong mô hình xuất khẩu cũng là thành tố tự định

$$X = \bar{X}$$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

1 Biểu diễn các thành phần trong tổng chi tiêu *d Xuất khẩu ròng*

- Nhập khẩu tăng cùng với thu nhập. Xu hướng nhập khẩu cận biên (Marginal Propensity to Import – MPM (*ký hiệu M thay I để khởi đầu với đầu tư*) cho chúng ta biết lượng nhập khẩu tăng thêm khi thu nhập tăng thêm một đơn vị.

Hàm nhập khẩu: $IM(M) = MPM * Y$

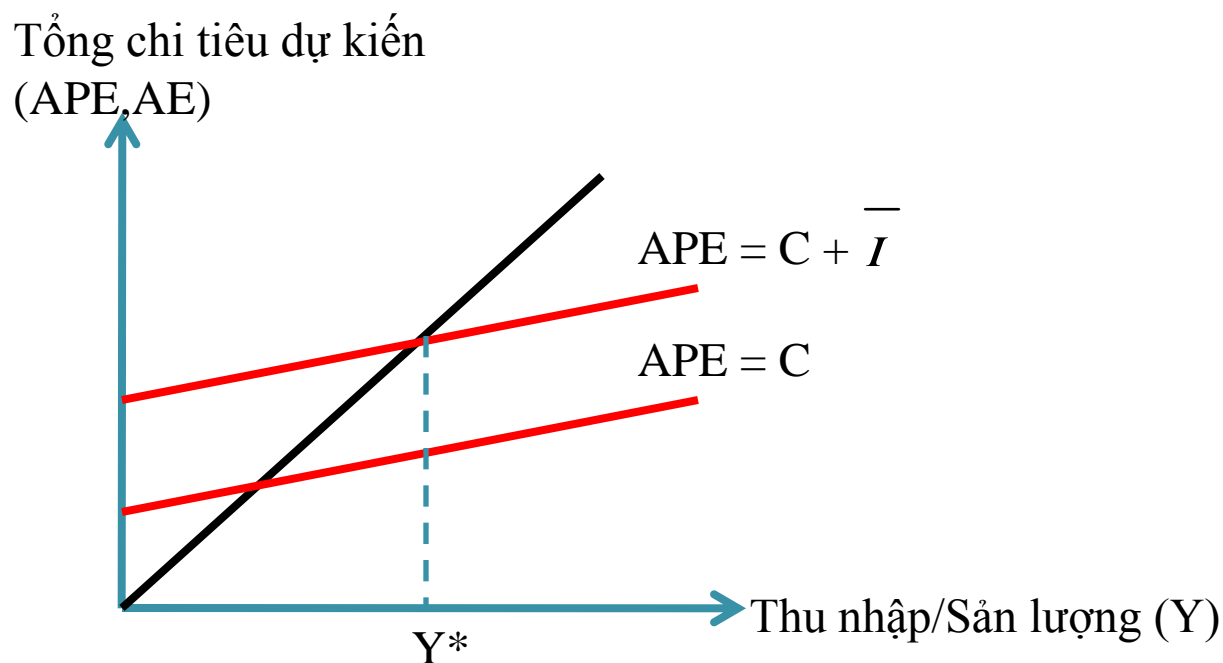
Hàm xuất khẩu ròng: $NX = X - IM = \bar{X} - MPM * Y$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

2 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

2 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn

$$+ APE = C + \bar{I} = \bar{C} + MPC * Y + \bar{I}$$

$$+ APE = Y$$

$$Y = \bar{C} + MPC * Y + \bar{I}$$

$$Y = \frac{\bar{C} + \bar{I}}{1 - MPC}$$

Số nhân chi tiêu $m = 1/(1 - MPC)$

$\bar{C} + \bar{I}$ là chi tiêu tự định của nền kinh tế

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

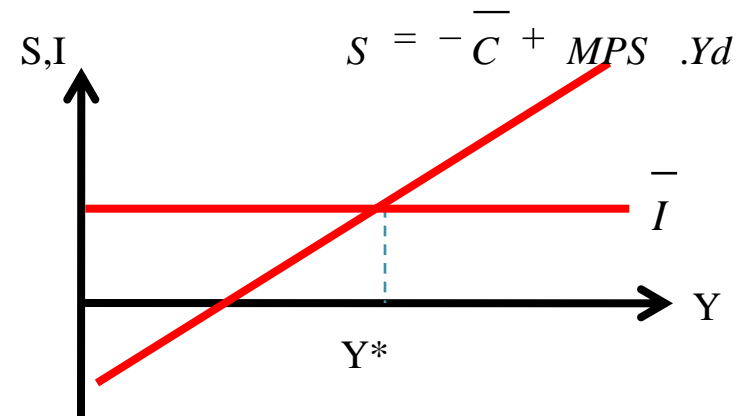
2 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn

Ta cũng có thể tìm sản lượng cân bằng dựa vào đồng nhất thức $S \equiv I$

$$Y = C + I \text{ hay } Y - C = I \text{ hay } S = I$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có } S &= Y - \bar{C} - \text{MPC} * Y = (1 - \text{MPC}) * Y - \bar{C} \\ &= -\bar{C} + \text{MPS} * Y \text{ (hàm tiết kiệm)} \end{aligned}$$

$$\text{Lúc này } Y = \frac{\bar{C} + \bar{I}}{\text{MPS}}$$

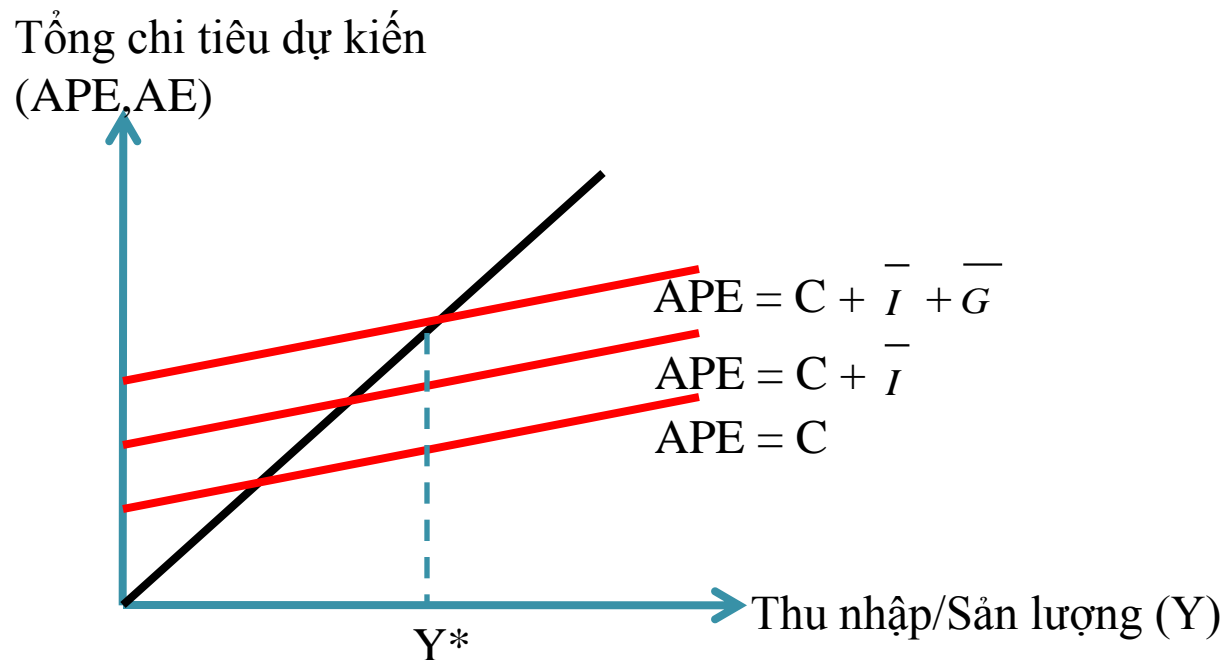


Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

3 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

3 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ

+ Thuế phụ thuộc vào thu nhập

$$Y = \frac{\bar{C} + \bar{I} + \bar{G}}{1 - MPC (1 - t)}$$

$$\text{Số nhân chi tiêu } m = \frac{1}{1 - MPC (1 - t)}$$

$\bar{C} + \bar{I} + \bar{G}$ là chi tiêu tự định của nền kinh tế

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

3 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ

+ Thuế không phụ thuộc vào thu nhập

$$Y = \frac{1}{1 - MPC} * (\bar{C} + \bar{I} + \bar{G}) + \frac{-MPC}{1 - MPC} * \bar{T}$$

Số nhân chi tiêu $m = 1/(1 - MPC)$

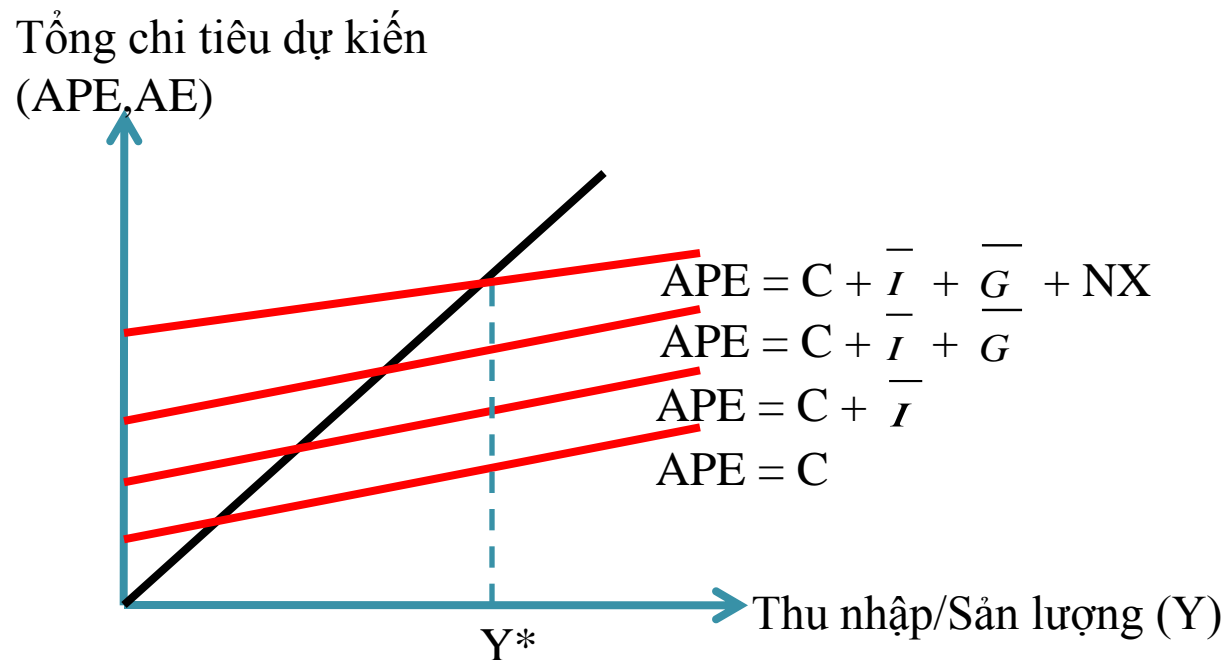
Số nhân thuế $m' = -MPC/(1 - MPC)$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

4 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

4 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở

+ Thuế phụ thuộc vào thu nhập

$$Y = \frac{\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X}}{1 - MPC - (1 - t) + MPM}$$

$$\text{Số nhân chi tiêu}_m = \frac{1}{1 - MPC - (1 - t) + MPM}$$

$\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X}$ là chi tiêu tự định của nền kinh tế

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



II Mô hình xác định sản lượng cân bằng dựa trên lý thuyết về tổng chi tiêu

4 Sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở

+ Thuế phụ không thuộc vào thu nhập

$$Y = \frac{1}{1 - MPC + MPM} * (\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X}) + \frac{-MPC}{1 - MPC + MPM} * \bar{T}$$

$$\text{Số nhân chi tiêu } m = \frac{1}{1 - MPC + MPM}$$

$$\text{Số nhân thuế } m' = \frac{-MPC}{1 - MPC + MPM}$$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



Mở rộng: Thuế vừa tự định, vừa phụ thuộc vào thu nhập $T = \bar{T} + t \times Y$

+) nền kinh tế đóng

$$Y = \frac{1}{1 - MPC (1 - t)} * (\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X}) + \frac{\bar{MPC}}{1 - MPC (1 - t)} * \bar{T}$$

+) nền kinh tế mở

$$Y = \frac{1}{1 - MPC (1 - t) + MPM} * (\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X}) + \frac{\bar{MPC}}{1 - MPC (1 - t) + MPM} * \bar{T}$$

So sánh số nhân chi tiêu, số nhân thuế ở từng nền kinh tế

| Nền kinh tế | Cách đánh thuế | Số nhân chi tiêu | Số nhân thuế |
|-------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---|
| Giản đơn | Không có thuế | $m = \frac{1}{1 - MPC}$ | Không có |
| Đóng có chính phủ | Thuế tự định | $m = \frac{1}{1 - MPC}$ | $m' = \frac{-MPC}{1 - MPC}$ |
| | Thuế phụ thuộc vào thu nhập | $m = \frac{1}{1 - MPC (1 - t)}$ | Không có |
| | Thuế tự định + phụ thuộc vào thu nhập | $m = \frac{1}{1 - MPC (1 - t)}$ | $m' = \frac{-MPC}{1 - MPC (1 - t)}$ |
| Mở có chính phủ | Thuế tự định | $m = \frac{1}{1 - MPC + MPM}$ | $m' = \frac{-MPC}{1 - MPC + MPM}$ |
| | Thuế phụ thuộc vào thu nhập | $m = \frac{1}{1 - MPC (1 - t) + MPM}$ | Không có |
| | Thuế tự định + phụ thuộc vào thu nhập | $m = \frac{1}{1 - MPC (1 - t) + MPM}$ | $m' = \frac{-MPC}{1 - MPC (1 - t) + MPM}$ |

Nhận xét: số nhân chi tiêu khi có thuế nhỏ hơn khi không có thuế; số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở nhỏ hơn nền kinh tế đóng



Bài tập

1) Nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ biết:

$$\bar{C} = 300 \quad \text{MPC} = 0,8 \quad \bar{I} = 200$$

$$\bar{G} = 300 \quad t = 0,25 \quad (25\%)$$

+) Hàm chi tiêu của hộ gia đình, hàm tổng chi tiêu theo kế hoạch (APE), tổng chi tiêu tự định của nền kinh tế?

+) $Y_{cb} = ?$

+) Nếu $\Delta G = 200$ thì Y_{cb} mới = ?

+) Hàm tiết kiệm. Sử dụng $S \equiv I$ để tính Y_{cb}

Bài tập



2) Nền kinh tế mở có sự tham gia của chính phủ biết:

$$\begin{aligned} \bar{C} &= 10 \quad \text{MPC} = 0,8 \quad \bar{I} = 5 \quad \bar{X} = 5 \quad \text{MPM} = 0,14 \\ \bar{G} &= 40 \quad t = 0,2 \quad (20\%) \end{aligned}$$

- +) Hàm chi tiêu của hộ gia đình, hàm tổng chi tiêu theo kế hoạch (APE)?
- +) Chi tiêu tự định của nền kinh tế?
- +) $Y_{cb} = ?$
- +) Nếu $\Delta G = 20, \Delta I = 5$ thì Y_{cb} mới = ?
- +) Hàm tiết kiệm. Sử dụng $S \equiv I$ để tính Y_{cb}

Bài tập



3) Nền kinh tế mở có sự tham gia của chính phủ biết:

$$\bar{C} = 100 \quad \text{MPC} = 0,8 \quad \bar{I} = 500 \quad \bar{X} = 300$$

$$\text{MPM} = 0,2 \quad \bar{G} = 400 \quad \bar{T} = 100$$

+) Hàm tiêu dùng, hàm tổng chi tiêu, $Y_{cb} = ?$

+) Nếu $\Delta G = 100, \Delta T = 200$ thì Y_{cb} mới = ?

+) Hàm tiết kiệm. Sử dụng $s \equiv I$ để tính Y_{cb}

Bài tập



4) Một nền kinh tế được biểu diễn bằng các thông số sau:

$$C = 100 + MPC.Y_d$$

$$I = 100 + MPI.Y$$

$$G = 300$$

$$T = 20 + tY$$

$$NX = 200 - MPM.Y$$

$$MPC = 0.8; MPM = 0.1; MPI = 0.16; t = 0.2$$

$$Y^* - Y = 100$$

$$U^* = 5\%$$

- a/ Xác định mức sản lượng cân bằng và tỷ lệ thất nghiệp thực tế của nền kinh tế này (xem lại Okun law).
- b/ Khi chính phủ tăng chi tiêu về hàng hoá dịch vụ thêm 20 và tăng thuế thêm 20. Thì mức sản lượng cân bằng mới là bao nhiêu? Cân bằng Ngân sách trong cán cân thặng dư tăng hay thâm hụt?
- c/ Để đưa nền kinh tế ban đầu về nền kinh tế sản lượng tiềm năng thì chính phủ điều chỉnh chính sách tài khoá như thế nào? Liều lượng là bao nhiêu?

Bài tập



5) Cho $C = 150 + 0.6 Y$

$I = 200, G = 500, X = 150, IM(M) = 0,1Y$

$T = 0,25Y$

+) Tính MPS

+) Tính $Y_{cb} = ?$

+) Tính $BB=?$, $NX=?$

6) Cho $APE (AE) = 1800 + 0,5Y$

$I = 500, G = 700, X = 400 IM(M) = 0,2Y T=0,1Y$

+) Tìm hàm tiêu dùng $C=?$

+) Tính $Y_{cb} = ?$

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



III Mô hình tổng chi tiêu và đường tổng cầu

1 Xây dựng đường tổng cầu từ mô hình tổng chi tiêu

Mức giá chung thay đổi thì APE sẽ thay đổi

+ P tăng thì C giảm (hiệu ứng của cải)

+ P tăng thì I giảm (hiệu ứng lãi suất)

+ P tăng thì NX giảm (hiệu ứng thương mại quốc tế)

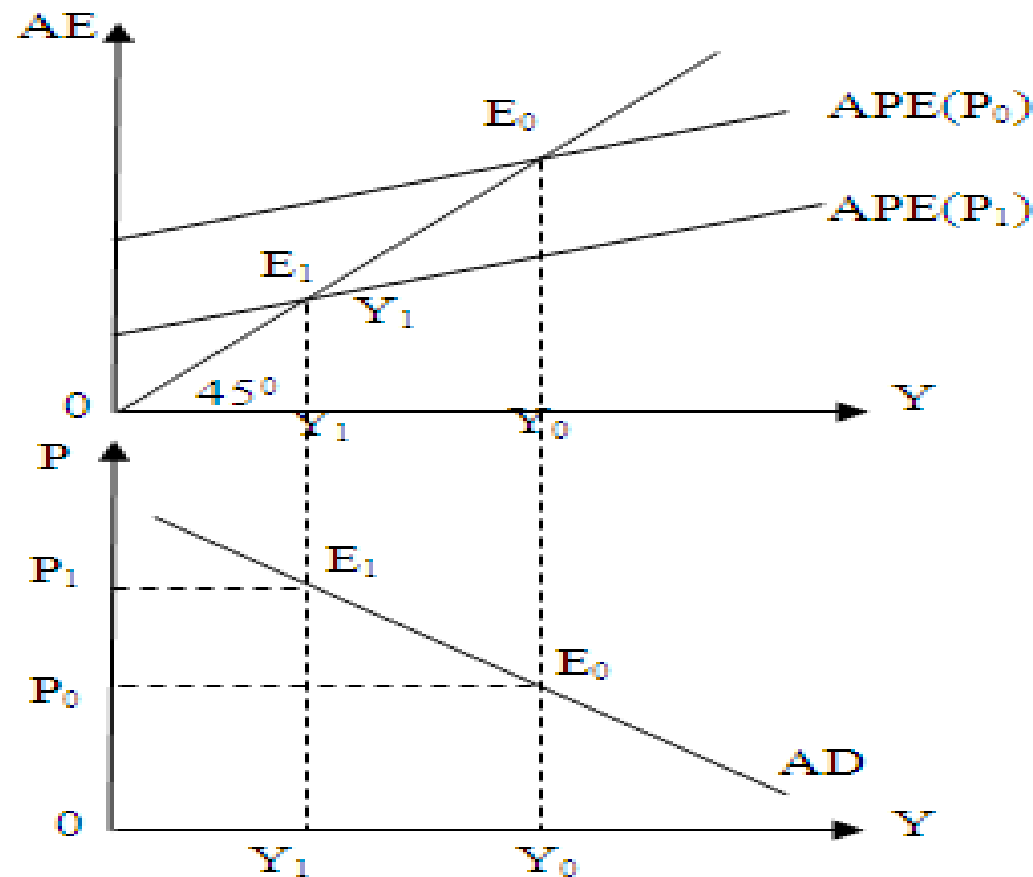
Như vậy, khi mức giá chung thay đổi thì đường APE sẽ dịch chuyển

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



III Mô hình tổng chi tiêu và đường tổng cầu

1 Xây dựng đường tổng cầu từ mô hình tổng chi tiêu



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



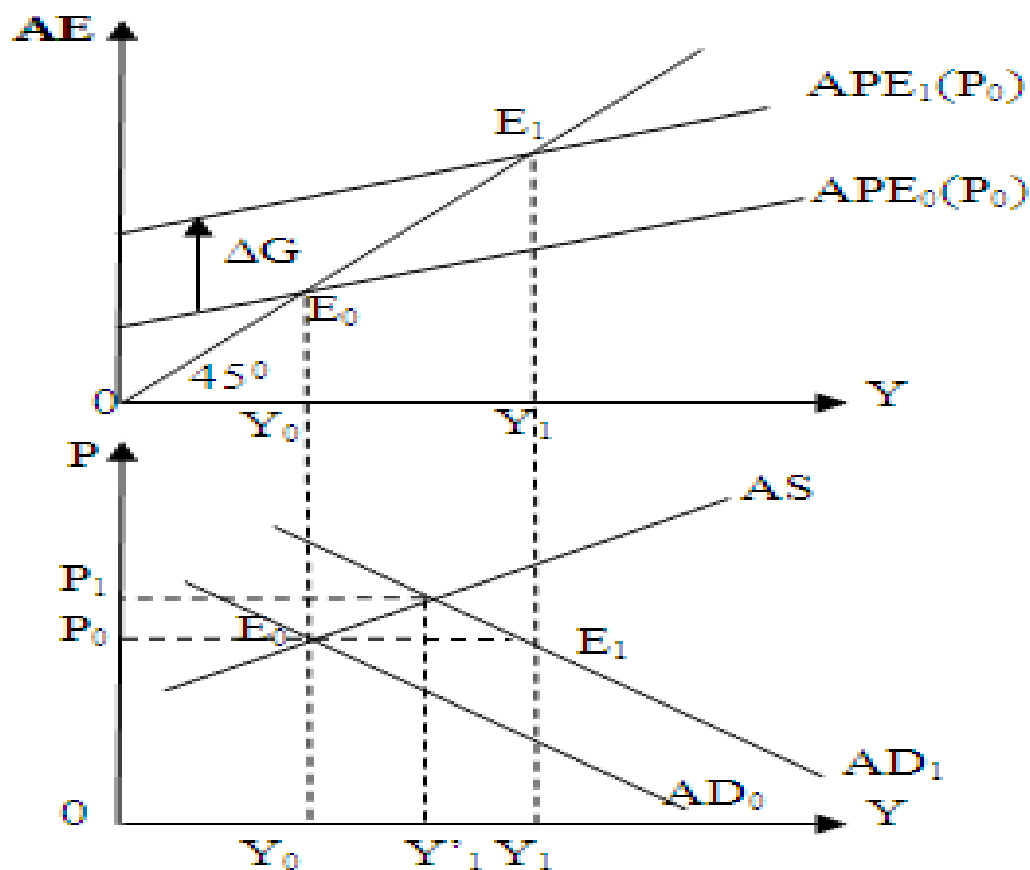
III Mô hình tổng chi tiêu và đường tổng cầu

1 Xây dựng đường tổng cầu từ mô hình tổng chi tiêu

Đường AD dịch chuyển thế nào khi đường

APE dịch chuyển

(giả sử chính phủ
tăng chi tiêu ΔG)



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



III Mô hình tổng chi tiêu và đường tổng cầu

1 Xây dựng đường tổng cầu từ mô hình tổng chi tiêu

Như vậy nếu có một yếu tố nào đó làm đường APE dịch chuyển lên phía trên/phía dưới thì đường AD dịch chuyển sang phải/sang trái

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



III Mô hình tổng chi tiêu và đường tổng cầu

2 Hạn chế của mô hình tổng chi tiêu khi xác định đường tổng cầu

- Phương pháp tiếp cận – thu nhập từ đó xây dựng tổng cầu, và dựa vào tổng cầu để xác định sản lượng cân bằng của nền kinh tế được áp dụng khi nền kinh tế còn nhiều nguồn lực chưa sử dụng, *hay đường tổng cung là một đường nằm ngang.*
- Tuy nhiên trên thực tế rất ít khi nền kinh tế rơi vào trạng thái như vậy (suy thoái sâu), và thường *đường tổng cung của nền kinh tế là một đường dốc lên*, chính vì thế khi tổng cầu dịch chuyển sang bên phải thì *mức giá không còn ở mức cố định mà tăng lên khiến cho lượng tổng cầu cân bằng giảm*

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa (fiscal policy)

- *Khái niệm*: Chính sách tài khóa là chính sách của chính phủ có liên quan đến thuế và chi tiêu chính phủ nhằm 3 mục tiêu vĩ mô
 - + tăng trưởng kinh tế
 - + ổn định giá cả
 - + tạo công ăn việc làm
- *Phân loại chính sách tài khóa*
 - + Chính sách tài khóa chủ động
 - + Chính sách tài khóa tự ổn định (cơ chế tự ổn định)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

1 Chính sách tài khóa chủ động (discretionary fiscal policy)

a Chính sách tài khóa mở rộng (expansionary fiscal policy)

- *Khái niệm:* Chính sách tài khóa mở rộng là chính sách tài khóa liên quan đến việc tăng chi tiêu chính phủ hoặc giảm thuế hoặc kết hợp cả hai biện pháp
- *Mục tiêu:* 2 mục tiêu cơ bản (tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm)
- *Cách thức sử dụng:* hạn chế ảnh hưởng của suy thoái

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa

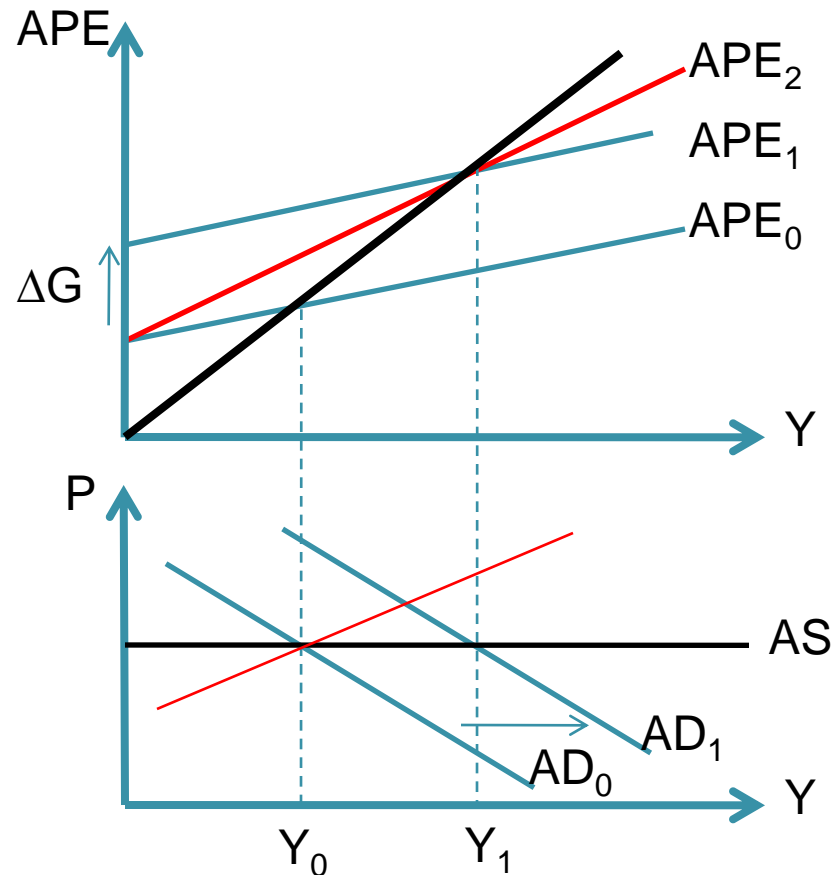


IV Chính sách tài khóa

1 Chính sách tài khóa chủ động

a Chính sách tài khóa mở rộng (expansionary fiscal policy)

- Cơ chế tác động



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

1 Chính sách tài khóa chủ động

b Chính sách tài khóa thắt chặt (contractionary fiscal policy)

- *Khái niệm:* Chính sách tài khóa thắt chặt là chính sách tài khóa liên quan đến việc giảm chi tiêu chính phủ hoặc tăng thuế hoặc kết hợp cả hai biện pháp
- *Mục tiêu:* 1 mục tiêu cơ bản (ổn định giá cả)
- *Cách thức sử dụng:* hạn chế ảnh hưởng của việc nền kinh tế mở rộng quá mức (phát triển nóng)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa

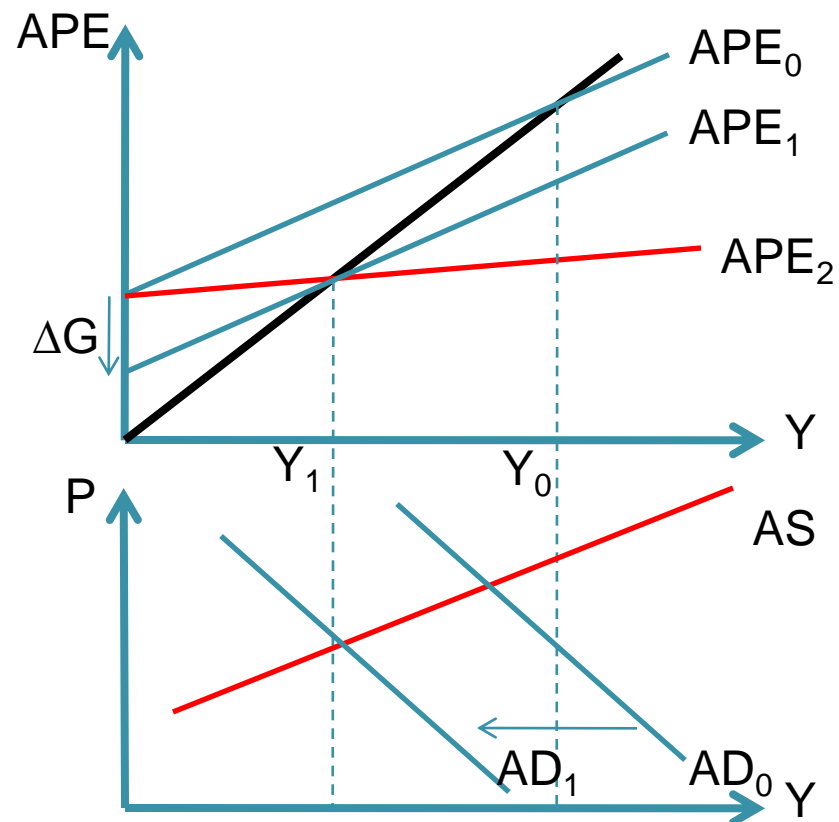


IV Chính sách tài khóa

1 Chính sách tài khóa chủ động

2 Chính sách tài khóa thắt chặt (contractionary fiscal policy)

- Cơ chế tác động



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa

IV Chính sách tài khóa



1 Chính sách tài khóa chủ động

c Chính sách tài khóa có sự ràng buộc về ngân sách (tăng thuế và chi tiêu như nhau $\Delta G = \Delta T$)

+ nền kinh tế đóng có chính phủ

thuế độc lập với thu nhập

số nhân ngân sách $\frac{1}{1 - MPC} + \frac{-MPC}{1 - MPC} = 1$

tăng ΔG thì tổng thu nhập tăng ΔG

thuế không độc lập với thu nhập

số nhân ngân sách (số nhân chi tiêu) $\frac{1}{1 - MPC(1 - t)}$

tăng ΔG thì tổng thu nhập tăng ít trường hợp giữ nguyên thuế

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

1 Chính sách tài khóa chủ động

c Chính sách tài khóa có sự ràng buộc về ngân sách

+ nền kinh tế mở có chính phủ

thuế độc lập với thu nhập

số nhân ngân sách $\frac{1 - MPC}{1 - MPC + MPM}$

tăng ΔG thì tổng thu nhập tăng ít hơn ΔG

thuế không độc lập với thu nhập

số nhân ngân sách (số nhân chi tiêu) $\frac{1}{1 - MPC(1 - t) + MPM}$

tăng ΔG thì tổng thu nhập tăng ít hơn trường hợp giữ nguyên thuế

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



Hạn chế của việc sử dụng chính sách tài khóa trong việc ổn định nền kinh tế

+ Độ trễ trong chính sách tài khóa (trễ trong, trễ ngoài)

độ trễ trong (inside lag): sự chậm trễ trong việc xây dựng chính sách

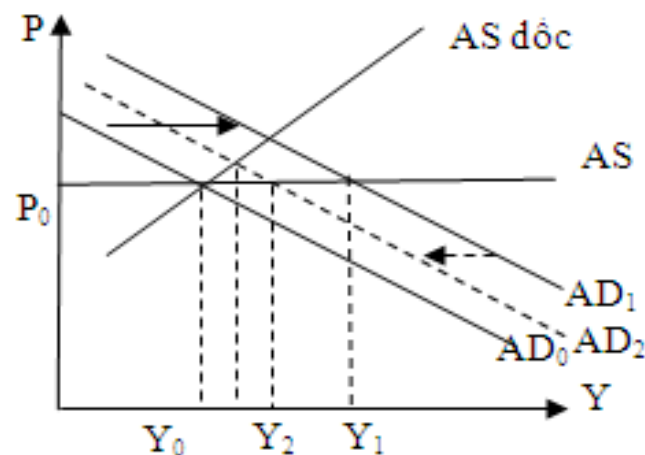
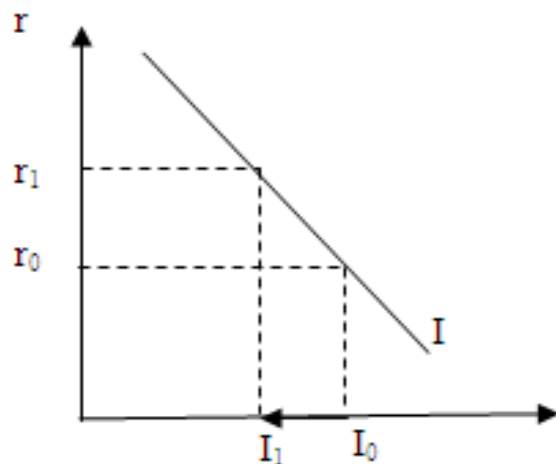
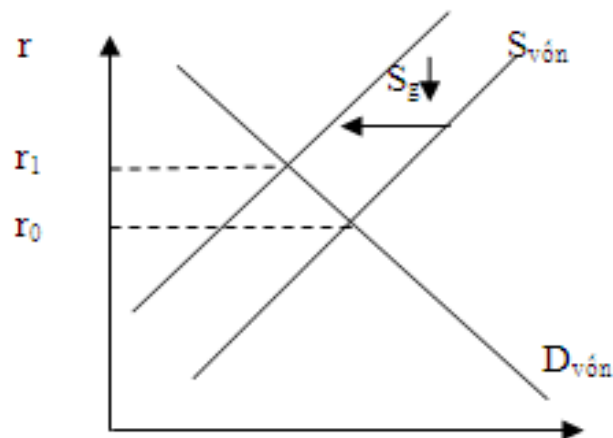
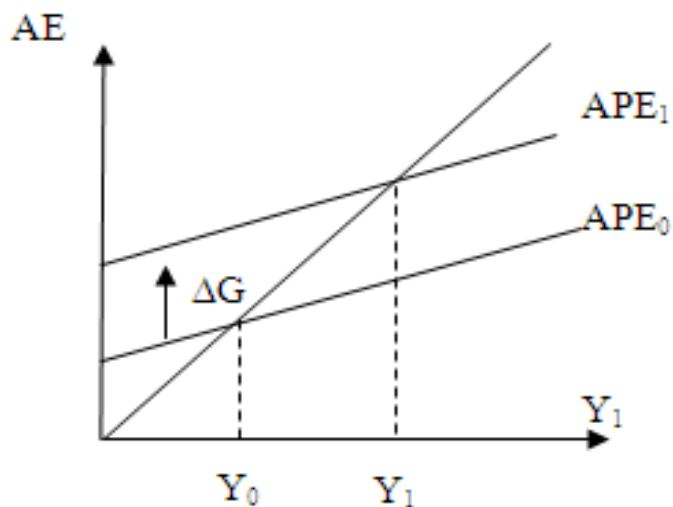
độ trễ ngoài (outside lag): thời gian để thực hiện chính sách trong thực tế

+ Hiệu ứng lấn át (crowding out effect): chủ yếu là hiện tượng thoái lui đầu tư (crowding out domestic investment effect)

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



Hiệu ứng lần át



Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

2 Cơ chế tự ổn định (automatic stabilizer)

Một vài dạng chi tiêu của chính phủ và thuế sẽ tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm cùng với chu kỳ kinh doanh, và thường được coi là nhân tố làm giảm tác động của chu kỳ kinh doanh, được gọi là cơ chế tự ổn định

Ví dụ: khi nền kinh tế mở rộng, thu thuế T tăng, chi tiêu G cho một số khoản trợ cấp giảm khiến cho ngân sách có xu hướng thặng dư

khi nền kinh tế suy thoái, thu thuế T giảm, chi tiêu G cho một số khoản trợ cấp tăng khiến cho ngân sách có xu hướng thâm hụt

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

3 Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

Ngân sách nhà nước là bảng tổng hợp các khoản thu, chi của chính phủ trong khoảng thời gian nhất định (thường là một năm – năm tài khóa). Cán cân ngân sách phản ánh chênh lệch thu-chi của ngân sách cp

3.1 Các loại hình cán cân ngân sách

- *Cán cân ngân sách thực tế*

$$BB = tY - G$$

- *Cán cân ngân sách cơ cấu*

$$BB^* = tY^* - G^*$$

trong đó Y^* , G^* là tổng thu nhập của nền kinh tế, chi tiêu của chính phủ ở sản lượng mức tiềm năng

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

3 Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

3.1 Các loại hình ngân sách

- Cán cân ngân sách chu kỳ

$$\Delta BB = BB - BB^* = t(Y - Y^*) + (G^* - G)$$

Khi nền kinh tế suy thoái thì $\Delta BB < 0$, khi nền kinh tế tăng trưởng mở rộng thì $\Delta BB > 0$

ΔBB càng nhỏ thì mức độ suy thoái càng lớn

ΔBB càng lớn thì mức độ mở rộng càng lớn

Bảng Cán cân ngân sách thực tế và cán cân ngân sách cơ cấu của Mỹ trong thời kỳ Đại khủng hoảng

| Năm | Chi tiêu của chính phủ liên bang (tỷ đôla) | Cán cân ngân sách thực tế | Cán cân ngân sách cơ cấu | Cán cân ngân sách chu kỳ |
|------|--|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1929 | 2.6 | 1 | 1.24 | -0.24 |
| 1930 | 2.7 | 0.2 | 0.81 | -0.61 |
| 1931 | 4 | -2.1 | -0.41 | -1.69 |
| 1932 | 3 | -1.3 | 0.5 | -1.8 |
| 1933 | 3.4 | -0.9 | 1.06 | -1.96 |
| 1934 | 5.5 | -2.2 | 0.09 | -2.29 |
| 1935 | 5.6 | -1.9 | 0.54 | -2.44 |
| 1936 | 7.8 | -3.2 | 0.47 | -3.67 |
| 1937 | 6.4 | 0.2 | 2.55 | -2.35 |
| 1938 | 7.3 | -1.3 | 2.47 | -3.77 |
| 1939 | 8.4 | -2.1 | 2 | -4.1 |

Nguồn: Macroeconomics 2th edition, R.Glenn Hubbard&Anthony Patrick O'Brien, p 531

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

3 Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

Đối phó với thâm hụt ngân sách

- *Hạn chế thâm hụt ngân sách: tăng T, giảm G*
- *Tài trợ thâm hụt ngân sách:*
 - + vay tiền từ NHTW, sử dụng quỹ dự trữ ngoại hối
 - + vay tiền từ hệ thống NHTM
 - + vay tiền từ khu vực phi ngân hàng (tư nhân) trong nước
 - + vay tiền từ nước ngoài, giảm dự trữ ngoại hối

Hạn chế thâm hụt ngân sách ở Việt Nam

Các giải pháp cụ thể????



- Nguyên nhân

- Giải pháp chung

- Giải pháp cụ thể:
 - +
 - +
 - +

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

3 Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

3.2 Chính sách tài khóa thuận chiều, chính sách tài khóa ngược chiều

- *Chính sách tài khóa thuận chiều*: Chính sách tài khóa thuận chiều là chính sách tài khóa hướng tới mục tiêu cân bằng ngân sách ($BB = 0$) bất kể sản lượng thay đổi như thế nào. Khi cán cân thâm hụt ($tY < G$) để đảm bảo $BB=0$ thì tăng T giảm G .

Bài 7 Tổng cầu và chính sách tài khóa



IV Chính sách tài khóa

3 Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

3.2 Chính sách tài khóa thuận chiều, chính sách tài khóa ngược chiều

- *Chính sách tài khóa ngược chiều*: là chính sách nhằm đưa sản lượng về Y^* (mức tiềm năng) bất kể ngân sách bị thâm hụt như thế nào. Khi nền kinh tế suy thoái $BB < 0$ do Y thấp, G cao. Để đưa Y về mức tiềm năng chúng ta phải tiếp tục tăng G , giảm T khiến cho ngân sách thâm hụt hơn nữa.

Các thuật ngữ quan trọng



- Tổng chi tiêu theo kế hoạch (aggregate planned expenditure, planned aggregate expenditure)
- Chi tiêu tự định (autonomous expenditure)
- Xu hướng tiêu dùng cận biên (MPC), xu hướng tiết kiệm cận biên (MPS), xu hướng nhập khẩu cận biên (MPM)
- Chính sách tài khóa (fiscal policy), chính sách tài khóa mở rộng (expansionary fiscal policy) chính sách tài khóa thắt chặt (contractionary fiscal policy)
- Cơ chế tự ổn định (automatic stabilizer)
- Cán cân ngân sách (budget balance) cán cân ngân sách chu kỳ (cyclical budget balance)
- Hiệu ứng/hiện tượng lấn át (crowding-out effect), hiệu ứng/hiện tượng thoái lui đầu tư (crowding-out domestic investment effect)

Câu hỏi tư duy

Tại sao Nhật Bản lại xây dựng những công trình không ai muốn sử dụng? Liệu chính phủ Nhật Bản có đạt được mục đích của mình?



Cách đây chục năm (cuối những năm 1990) các quan chức Nhật Bản đã quyết định xây dựng ***một con đường dài 160 dặm*** ở phía bắc đảo Hokkaido. Chi phí xây dựng con đường này rất đắt khoảng 60 triệu \$ cho một dặm (1,6km). ***Rất ít người sử dụng con đường này*** phần lớn bởi đã có một đường cao tốc miễn phí (không thu phí) chạy song song với con đường đó. Các quan chức cố gắng thu hút lái xe bằng việc đưa ra các phần thưởng và tổ chức 1 cuộc thi cho những người lái xe qua con đường này. Mặc dù chiến dịch thành công trong việc tăng lượng xe trung bình đi lại con đường này trong 1 ngày lên 862 xe, nhưng đây ***vẫn là 1 trong những con đường ít được sử dụng nhất ở Nhật Bản.***

Trong thời gian này, chính phủ Nhật Bản còn xây dựng ***một tuyến tàu điện ngầm ở Tokyo trị giá 10 tỉ \$***, một khoản tiền vượt quá ngân sách quá nhiều. Điều đáng nói là tuyến tàu này không khép kín thành 1 vòng hoàn chỉnh quanh thành phố vì thế nó gây khó khăn cho hành khách. Bên cạnh đó là các chương trình xây ***hàng ngàn rạp hát tại các thị trấn nhỏ, đường hầm ở những nơi chỉ cần xây đường là đủ, lát lên lát xuống những vỉa hè lát sỏi***

Phụ lục: giới thiệu về các dạng hàm tiêu dùng khác



- 1) **Irving Fisher** và hàm tiêu dùng 2 thời kỳ (intertemporal choice)

$$C_1 + \frac{C_2}{1+r} = Y_1 + \frac{Y_2}{1+r}$$

Giá trị hiện tại của các khoản chi tiêu bằng giá trị hiện tại của các khoản thu nhập

- 2) **Franco Modigliani** và giả thiết vòng đời (life-cycle hypothesis)

$$C = (W + RY) / T = (1/T)W + (R/T)Y = \alpha W + \beta Y$$

Trong đó W là của cải, R là số năm làm việc còn lại, T là số năm còn sống, Y là thu nhập trung bình hàng năm

Chi tiêu hiện tại phụ thuộc vào thu nhập trung bình hàng năm ước tính và của cải hiện có

Phụ lục: giới thiệu về các dạng hàm tiêu dùng khác



3) **Milton Friedman** và giả thiết thu nhập thường xuyên(vĩnh viễn)

$$Y = Y^P + Y^T \quad C = \alpha Y^P$$

Trong đó Y^p (permanent income) là thu nhập thường xuyên, Y^t (transitory income) là thu nhập bất thường

Tiêu dùng hiện tại phụ thuộc vào thu nhập thường xuyên

4) **Robert Hall** và giả thiết bước đi ngẫu nhiên (random-walk)

Các thay đổi về thu nhập (thu nhập bất thường) đều được hộ gia đình dự tính từ trước và đưa nó vào trong thu nhập thường xuyên. Tuy nhiên với các thu nhập bất thường không thể dự đoán được thì hộ gia đình sẽ không có tính toán từ trước và lúc này ***chỉ tiêu của hộ gia đình sẽ là ngẫu nhiên***

Phụ lục: giới thiệu về các dạng hàm tiêu dùng khác



5) **David Laibson** và giả thiết sự hài lòng ngay lập tức (instant gratification)

Giả thiết là sự kết hợp giữa Tâm lý học và Kinh tế học (behavioral economics – *kinh tế học hành vi*): người tiêu dùng sẽ thay đổi thói quen theo khoảng thời gian. ***Trong khoảng thời gian ngắn, chi tiêu sẽ tăng lên ngay lập tức, nhưng trong khoảng thời gian dài chi tiêu sẽ có xu hướng bị trì hoãn cùng với đó là sự thay đổi cảm giác về khoảng thời gian***

→ **Tóm lại** để xác định được các nhân tố tác động đến tiêu dùng của hộ gia đình là 1 điều rất khó khăn vì xét đến cùng hành vi của con người thay đổi liên tục không tuân theo một quy luật. Tuy nhiên với những giả định chặt chẽ, xét một đối tượng cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định thì hàm tiêu dùng sẽ có dạng

$$\text{Consumption} = f(\text{current income, wealth, expected future income, interest rate})$$